CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----***----

# HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

# MALTODEXTRIN

## TCCS 31/VDN/2023

## CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

**Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.**

**Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138**

**Email:** d1-hha@vedaninternational.com

**-2023-**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

**SỐ: TCCS 31/VDN/2023**

## I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

## II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

**1. Tên sản phẩm: Maltodextrin**

**2. Thành phần:** Maltodextrin.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):**

20 kg, 25 kg và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

**b) Chất liệu bao bì:**

Sản phẩm được đóng gói trong bao giấy kraft ba lớp và bao lót trong PE hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu An toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam.

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

## III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

## IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam sản xuất, kinh doanh sản phẩm "Maltodextrin" đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong

thực phẩm (Phần 6 mục 6.5.1).

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.15, 2.26, 4.11).

*Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.*

***Đồng Nai, ngày 03 tháng 05 năm 2023***

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 3600239719
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
H. LONG THÀNH - T. ĐỒNG NAI

**NI CHIH HAO**

VEDAN

# MALTODEXTRIN

## Khối lượng tịnh: 20 kg

**Thành phần:** Maltodextrin.
**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.
**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở trong bao chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.
**Thông tin cảnh báo:** Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại

TCCS 31/VDN/2023

**Số lô:**
**NSX:**
**HSD:**

**Sản xuất tại:**
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
**Địa chỉ:** Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
**Số điện thoại:** 0251.3825.111
**Free Hotline:** 1800.599.902

**Được sự cho phép của:**
VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITTED
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O Box 2681 GT, George Town, Grand Cayman, British West Indies.

VEDAN

# MALTODEXTRIN

## Khối lượng tịnh: 25 kg

**Thành phần:** Maltodextrin.
**Hướng dẫn sử dụng:** Sử dụng làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.
**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở trong bao chứa kín, ở nhiệt độ môi trường và tránh ánh nắng trực tiếp.
**Thông tin cảnh báo:** Không để gần các chất dễ cháy, nổ, hóa chất độc hại

TCCS 31/VDN/2023

**Số lô:**
**NSX:**
**HSD:**

**Sản xuất tại:**
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
**Địa chỉ:** Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
**Số điện thoại:** 0251.3825.111
**Free Hotline:** 1800.599.902

**Được sự cho phép của:**
VEDAN INTERNATIONAL (HOLDINGS) LIMITTED
Century Yard, Cricket Square, Hutchins Drive, P.O Box 2681 GT, George Town, Grand Cayman, British West Indies.

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00073700
Mã số kết quả : AR-22-VD-078208-01-VI / EUVNHC-00174317

**Công Ty Cổ Phần Hữu Hạn VEDAN Việt Nam**
Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành
Đồng Nai, Việt Nam

| | |
|---|---|
| Tên mẫu : | Tapioca maltodextrin<br>lot 22061209 |
| Tình trạng mẫu : | Mẫu đựng trong túi zip |
| Ngày nhận mẫu : | 16/06/2022 |
| Thời gian thử nghiệm : | 16/06/2022 - 22/06/2022 |
| Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : | 23/06/2022 |
| Mã số PO của khách hàng : | B8SP220616215 |
| Mã số mẫu Eol : | 005-32410-78273 |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VD334 VD (a) *Clostridium perfringens* | cfu/ g | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004) | Không phát hiện (LOD=10) |
| 2 | VD340 VD (a) *Coliforms* | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) | Không phát hiện (LOD=10) |
| 3 | VD353 VD (a) *Escherichia coli* | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) | Không phát hiện (LOD=10) |
| 4 | VD368 VD (a)(d) *Salmonella spp.* | /25 g | TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) | Không phát hiện |
| 5 | VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus* | cfu/ g | AOAC 975.55 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 6 | VD398 VD (a) *Bacillus cereus* | cfu/ g | AOAC 980.31 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 7 | VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí | cfu/ g | TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013) | Không phát hiện (LOD=10) |
| 8 | VD384 VD (a) Tổng số nấm men, nấm mốc | cfu/ g | TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) | Không phát hiện (LOD=10) |
| 9 | VD129 VD (a) Carbohydrates | % | AOAC 986.25 mod. | 95.5 |
| 10 | VD210 VD Độ ẩm | % | TCVN 9934:2013 | 4.12 |
| 11 | VD292 VD (a) Sulfur dioxide ($SO_2$) | mg/ kg | TCVN 8641:2000 (ISO 5522:1981) | Không phát hiện (LOD=3) |
| 12 | VD297 VD (a) Tro tổng | % | EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986) | Phát hiện vết (<0.2) |
| 13 | VD631 VD DE | % | TCVN 10376:2014 | 10.2 |
| 14 | VDRD1 VD Nhận dạng Maltodextrin | | USPC - Maltodextrin - FCC11 (Jun 01, 2018) | Kết tủa màu đỏ của đồng oxit |
| 15 | VD0H6 VD Độ tan | | TK-KN-LT-TP p413 | Tan trong nước nóng |
| 16 | VD855 VD (a) Cadimi (Cd) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.01) |

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|---|---|---|---|---|
| 17 | VD861 VD (a) Chì (Pb) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.017) |
| 18 | VD856 VD (a) Arsen (As) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.01) |
| 19 | VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.007) |
| 20 | VD063 VD (a) Ochratoxin A | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827) | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 21 | VD1LA VD (a) Deoxynivalenol | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5626 (Ref. BS EN 15791:2009) | Không phát hiện (LOD=100) |
| 22 | VD066 VD (a) Zearalenon | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010) | Không phát hiện (LOD=5) |
| 23 | VD821 VD (a) Aflatoxin B1 | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03) | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 24 | VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03) | Không phát hiện (LOD=0.5) |
| 25 | VD630 VD Màu sắc | | EVN-R-RD-2-TP-3552 | Màu trắng đặc trưng của sản phẩm |
| 26 | VD630 VD Mùi | | EVN-R-RD-2-TP-3552 | Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ. |
| 27 | VD630 VD Trạng thái | | EVN-R-RD-2-TP-3552 | Dạng bột, mịn, khô, không vón cục |
| 28 | VD630 VD Vị | | EVN-R-RD-2-TP-3552 | Vị đặc trưng của sản phẩm |
| 29 | VD656 VD (a) Tổng thuốc BVTV (Họ clo hữu cơ) (GC-MS) | | EN 15662:2018 (GC-MS) | Không phát hiện |
| 30 | VD659 VD (a) Tổng thuốc BVTV (Họ lân hữu cơ) (GC-MS) | | EN 15662:2018 | Không phát hiện |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Danh sách chất được kiểm LOQ = Giới hạn định lượng)

VD656 VD TBVTV họ clo hữu cơ (mg/kg)

(a) Aldrin (0.01) (a) BHC, Alpha (0.01) (a) BHC, Beta (0.01) (a) BHC, delta (0.01)
(a) BHC, epsilon (0.01) (a) Chlordane (Tổng) (0.01) (a) Chlorfenapyr (0.01) (a) DDD, o,p- (0.01)
(a) DDD, p,p'- (0.01) (a) DDE, o,p- (0.01) (a) DDE, p,p'- (0.01) (a) DDT, o,p'- (0.01)
(a) DDT, p,p'- (0.01) (a) Dicofol, o,p- (0.01) (a) Dicofol, p,p- (0.01) (a) Dieldrin (0.01)
(a) Endosulfan sulfate (0.01) (a) Endosulfan, alpha- (0.01) (a) Endosulfan, beta- (0.01) (a) Endrin (0.01)
(a) Heptachlor (0.01) (a) Heptachlor epoxide, cis- (0.01) (a) Heptachlor epoxide, trans- (0.01) (a) Hexachlorobenzene (HCB) (0.01)
(a) Lindane (gamma-HCH) (0.01) (a) Methoxychlor (0.01) (a) Nitrofen (0.01) (a) Quintozene (0.01)
(a) Tecnazene (0.01)

VD659 VD TBVTV họ phospho hữu cơ (mg/kg)

(a) Acephat (0.01) (a) Azinphos-methyl (0.01) (a) Cadusaphos (0.01) (a) Chlorpyrifos (-ethyl) (0.01)
(a) Chlorpyrifos-methyl (0.01) (a) Diazinon (0.01) (a) Dimethoat (0.01) (a) Disulfoton (0.01)
(a) Ethion (0.01) (a) Ethoprophos (0.01) (a) Fenamiphos (0.01) (a) Fenamiphos-sulfone (0.01)
(a) Fenamiphos-sulfoxide (0.01) (a) Fenthion (0.01) (a) Fenthion-sulfone (0.01) (a) Fenthion-sulfoxide (0.01)
(a) Methiocarbsulfoxide (0.01) (a) Methamidophos (0.01) (a) Monocrotophos (0.01) (a) Omethoate (0.01)
(a) Parathion-methyl (0.01) (a) Phorate (0.01) (a) Phorate-sulfone (0.01) (a) Phorate-sulfoxide (0.01)
(a) Pirimiphos-methyl (0.01) (a) Profenofos (0.01) (a) Triazophos (0.01)

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 27/06/2022

**Ghi chú giải thích**

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi